

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-6-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Hải và bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST- HNGĐ ngày 19/02/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cù Thị Th, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 9, xã QTh, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Hiện tạm trú tại: Khu 3, ấp Cẩm Tân, phường XT, thành phố LKh, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 9, xã QTh, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cù Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Thanh vào ngày 03/01/2000. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, quan điểm sống, tính cách giữa

chị và anh C không hợp. Anh C không tin tưởng chị nên làm cho mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Chị và anh C sống ly thân từ năm 2012 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và không quan tâm đến nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh C. Vợ chồng chị có 01 con chung Nguyễn Thị Phương Th1, sinh ngày 26/10/2005 đang ở với chị tại Khu 3, ấp Cẩm Tân, phường XT, thành phố LKh, tỉnh Đồng Nai. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì điều kiện của chị đảm bảo được việc nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Bị đơn anh Nguyễn Đình C vắng mặt: Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh C đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh C vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản và không có lời khai gửi Tòa án.

Ý kiến của cháu PhTh: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QTh thể hiện: Chị Th và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QTh, anh C hiện đang cư trú và có hộ khẩu tại xóm 9 xã QTh. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết, chỉ biết hiện nay vợ chồng đang sống ly thân mỗi người một nơi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền; Thu thập tài liệu chứng cứ đảm bảo đúng quy định, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cù Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh C có 01 con chung Nguyễn Thị Phương Th1, sinh ngày 26/10/2005 đang ở với chị Th tại Khu 3, ấp Cẩm Tân, phường XT, thành phố LKh, tỉnh Đồng Nai. Ly hôn nên tiếp tục giao con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C. Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Đình C có nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu tại xã QTh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Quyết định đưa vụ án ra xét và Quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay anh C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh C là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2000 ngày 03/01/2000). Vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2012 sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau chứng tỏ việc đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh C đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh C.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Phương Th1, sinh ngày 26/10/2005 đang ở với chị Th tại Khu 3, ấp Cẩm Tân, phường XT, thành phố LKh, tỉnh Đồng Nai. Chị Th tha thiết xin được nuôi con chung, cháu Phương Th1 cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, tại phiên tòa anh C vắng mặt nên không có ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con. Xét nguyện vọng của chị Th là chính đáng và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Thị Phương Th1 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C vì chị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, 147, 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cù Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cù Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương Th1, sinh ngày 26/10/2005 cho chị Cù Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh C.

Anh Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Cù Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003632 ngày 18/02/2020.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã QTh;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến